*Ngày soạn: 14/4/2021*

***Chủ đề 5: QUẦN THỂ SINH VẬT***

**Tiết 39- Bài 36: QUẦN THỄ SINH VẬT VÀ MỐI QUAN HỆ**

**GIỮA CÁC CÁ THỂ TRONG QUẦN THỂ**

**A. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này, HS phải:

***1. Kiến thức:***

- Định nghĩa được khái niệm quần thể (về mặt sinh thái học).

- Nêu được các mối quan hệ sinh thái giữa các cá thể trong quần thể : quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh. Nêu được ý nghĩa sinh thái của các quan hệ đó.

***2. Kỹ năng:*** Rèn luyện các kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình để thu nhận thông tin.

***3. Thái độ:***

***-*** Bảo vệ các động vật quý hiếm và yêu thiên nhiên.

- Hiểu rõ hơn về các biện pháp bảo vệ quần thể góp phần bảo vệ môi trường.

***4. Phát triển năng lực, phẩm chất:***

***- Năng lực:*** vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tư duy, thu nhận và xử lí thông tin, tự học.

***- Phẩm chất***: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**B. Chuẩn bị:**

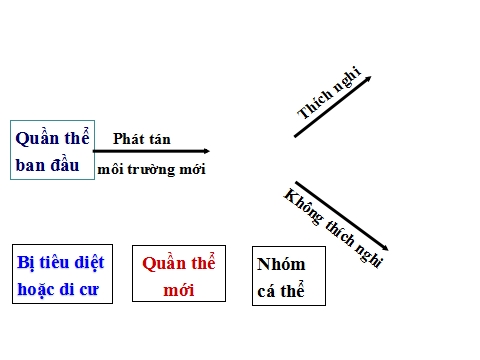
- GV: Sử dụng hình 36.1, 36.2, 36.3, 36.4, 36.5, 36.6, video, máy tính, PHT.

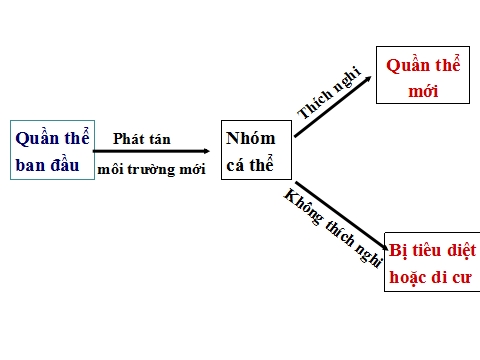
**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**BÀI TẬP 1**: ***Hoàn thành bảng sau:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Quần thể sinh vật** | **Không phải QTSV** |
| 1.Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo và lợn rừng trong vườn quốc gia Côn Đảo |  | X |
| 2.Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi phía Đông Bắc Việt Nam | X |  |
| 3. Các cá thể rắn hổ mang sống ở 3 hòn đảo cách xa nhau. |  | X |
| 4. Tập hợp con gà trống, gà mái trong lồng |  | X |
| 5. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao. |  | X |
| 6. Tập hợp các cá thể chuột đồng sống trong một đồng lúa … | X |  |

**BÀI TẬP 2**: ***Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.***





**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mối quan hệ** | **Quan hệ hỗ trợ** | **Quan hệ cạnh tranh** |
| **Đặc điểm** |  |  |
| **Ý nghĩa** |  |  |
| **Ví dụ.** |  |  |

**THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mối quan hệ** | **Quan hệ hỗ trợ** | **Quan hệ cạnh tranh** |
| **Đặc điểm** | - Là mối quan hệ giữa các cá thể cùng loài hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sống như lấy thức ăn, chống lại kẻ thù, sinh sản.... | - Quan hệ cạnh tranh xảy ra khi cá thể tranh giành nhau thức ăn, nơi ở, ánh sáng và các nguồn sống khác ; các con đực tranh giành con cái. |
| **Ý nghĩa** | - Đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định, khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường, làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của cá thể (hiệu quả nhóm). | - Quan hệ cạnh tranh làm cho số lượng và phân bố của cá thể trong quần thể được duy trì ở mức phù hợp với nguồn sống và không gian sống, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể. |
| **Ví dụ.** |  |  |

**- HS:** nội dung, đạo cụ, trang phục, diễn xuất tiểu phẩm.

Tranh ảnh về mối quan hệ hỗ trợ, cạnh tranh; giấy nhớ, bảng phụ, bút dạ.

**B**. **Phương pháp dạy học:**

- Sử dụng phương pháp: gợi mở - vấn đáp, dự án, đóng vai.

- Sử dụng kĩ thuật dạy học: chia nhóm, công não, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy.

**D. Quy trình lên lớp**

***I. Ổn định tổ chức lớp:***

***II. Hoạt động khởi động:***

***-*** Cho HS xem video: câu chuyện về chùm nho.

- Câu hỏi: Giờ trước cô đã giao nhiệm vụ các e về nghiên cứu trước bài học mới. Vậy video trên muốn nói điều gì có liên quan đến bài học ngày hôm nay?

- Kiến thức sẽ được giải đáp trong bài học.

***III. Hoạt động hình thành kiến thức mới***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG THẦY** | **HOẠT ĐỘNG TRÒ** | **NỘI DUNG** | **Năng lực hình thành** |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu cá nhân thông tin SGK.  - Hoạt động cặp đôi.  Hoàn thành phiếu học tập số 1 (2 phút)  - Thu phiếu hoàn thành nhanh.  - Đại diện cặp đôi báo cáo (có giải thích tại sao không phải là quần thể)  Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Vậy quần thể là gì? VD  - Quá trình hình thành quần thể?  - GV chốt kiến thức, nhận xét cho điểm cộng nhóm làm nhanh, tốt.  **Giảng:** Vùng phân bố của loài không phải là 1 không gian đã định trước mà chính nó được xác lập bằng quá trình hình thành quần thể mới của loài:  - VD: sự hình thành 1 quần thể bèo trong ao từ 1 vài tai bèo đầu tiên dạt vào ao  \*QT phân bố trong 1 phạm vi nhất định gọi là ***nơi sống của QT*** (sinh cảnh).  - Tại sao nói quần thể là đơn vị tồn tại của loài?  - Yêu cầu: Hoạt động cá nhân nghiên cứu thông tin, quan sát hình 36.2, 36.3, 36.4 SGK.  - Xem video.  - Hoạt động nhóm: hoàn thành phiếu học tập số 2 bằng bảng phụ (5 phút)  (Chú ý mỗi cá nhân đều phải đưa ý kiến bằng giấy nhớ. Nhóm trưởng cho thảo luận, thư ký tổng hợp ghi chép lại vào bảng phụ)  - Đại diện 1 nhóm báo cáo.  1 nhóm báo cáo mối quan hệ hỗ trợ.  1 nhóm báo cáo mối quan hệ cạnh tranh.  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi.  GV: chốt kiến thức (thông tin phản hồi).  - Liên hệ thực tế, trong chăn nuôi, trồng trọt?  VD: Hỗ trợ: Đàn ong mật, kiến, rừng đầu nguồn, bụi tre, trúc…  Cạnh tranh: Hiện tượng tỉa thưa, di cư, chăn nuôi, trồng cây với mật độ thích hợp, nuôi theo đàn thúc đẩy tranh ăn -> mau lớn…  - Tìm các VD về cách sống bầy đàn hay quần tụ, xã hội của 1 số ĐV trong thiên nhiên?  - Cá thể nhận biết nhau bằng những tín hiệu đặc trưng nào?  - Diễn giảng: hiệu suất nhóm  - Về lý thuyết, cạnh tranh trong cùng loài rất khốc liệt, trong thực tế, cạnh tranh cùng loài ít xảy ra  - Bên cạnh quan hệ cạnh tranh còn có quan hệ nào khác?  GV: Quay trở lại phần khởi động: Video đã đề cập đến nội dung nào của bài vừa học? | - Nghiên cứu cá nhân thông tin SGK  - Thảo luận cặp đôi.  - Hoàn thành phiếu học tập số 1  - Đại diện báo cáo.  - Nhận xét, bổ xung.  - Nêu khái niệm quần thể. VD.  Quá trình hình quần thể.  - HS suy nghĩ trả lời  - Hoạt động cá nhân.  - Thảo luận nhóm  - Hoàn thành phiếu học tập số 2.  - Đại diện nhóm báo cáo.  - HS khác nhận xét, bổ xung, đặt câu hỏi, trả lời.  -> HS nêu được bản chất là sự hỗ trợ, cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài trong các hđ sống, khi thác nguồn sống từ mtr -> giúp loài tồn tại và phát triển ổn định  - Tìm các ví dụ  - Cạnh tranh nguồn thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản, tranh giành con cái, con đực,..  -> HS suy nghĩ trả lời  - Các cá thể cùng loài có kí sinh vào nhau hoặc ăn thịt đồng loại.  HS trả lời;  - Quần thể nho.  - Mối quan hệ hỗ trợ giúp tránh gió bão. | **I. Quần thể sinh vật và quá trình hình thành quần thể:**  **1. Khái niệm quần thể**  - Quần thể là nhóm cá thể của một loài, phân bố trong vùng phân bố của loài một thời gian nhất định, có khả năng sinh ra các thế hệ mới hữu thụ, kể cả loài sinh sản vô tính hay trinh sản  - VD: SGK  - Quần thể là đơn vị tồn tại của loài, là trường thông tin của các cá thể trong loài, các cá thể khác giới tham gia sinh sản duy trì sự tồn tại của loài   1. **Quá trình hình thành quần thể.**   - Đầu tiên một số cá thể cùng loài phát tán đến môi trường mới.  - Cá thể thích nghi -> gắn bó chặt chẽ với nhau -> quần thể ổn định, thích nghi với điều kiện ngoại cảnh.  - Cá thể không thích nghi  -> bị tiêu diệt hoặc phải di cư đến nơi khác.  **II. Quan hệ giữa các cá thể trong quần thể:**  **1. Quan hệ hỗ trợ:**  - Là sự tụ họp, sống bầy đàn, sống thành xã hội (trong nhiều trường hợp, quần tụ chỉ là tạm thời ở những thời gian nhất định như các con sống quây quần bên cha, mẹ hoặc các cá thể họp đàn để sinh sản săn mồi hay chống kẻ thù)  VD: + 1 số cây sống gần nhau có hiện tượng liền rễ  -> sinh trưởng nhanh hơn, chịu hạn tốt hơn, …so với cây sống riêng rẽ  + Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ,…  - Cá thể trong đàn nhận biết nhau bằng các mùi đặc trưng, màu sắc đàn, vũ điệu  - Hiệu suất nhóm: các cá thể trong bầy, đàn có nhiều đặc điểm sinh lý và tập tính sinh thái có lợi; giảm lượng tiêu hao oxi, tăng cường dinh dưỡng…  VD: sgk  **2. Quan hệ cạnh tranh:**  - Khi mật độ quần thể vượt quá “sức chứa đựng” của môi trường các cá thể cạnh tranh nhau làm tăng mức tử vong, giảm mức sinh sản… đó là hiện tượng tự tỉa thưa.  - Các kiểu quan hệ khác:  + Kí sinh cùng loài: VD (sgk)  -> giảm sức ép lên nguồn thức ăn hạn hẹp  + Ăn thịt đồng loại: VD (sgk)  => các mối quan hệ cạnh tranh cùng loài không dẫn đến tiêu diệt loài mà giúp loài tồn tại và phát triển hưng thịnh | - Năng lực làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo, ngôn ngữ, giao tiếp.  - Năng lực quan sát và phân tích kênh hình để thu nhận thông tin,  tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm, ngôn ngữ, giao tiếp. |

**IV. Hoạt động luyện tập, vận dụng:**

- Hoàn thành sơ đồ tư duy sau bài học theo nhóm.

- GV nhận xét, đánh giá (có thể cho điểm các nhóm).

**Tiểu phẩm:** LỚP HỌC HẠNH PHÚC- NGÔI TRƯỜNG HẠNH PHÚC.

**V. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:**

Em hãy tìm hiểu về những tác động của con người đối với môi trường làm ảnh hưởng đến các cá thể trong quần thể như thế nào?

**\* Chuyển giao nhiệm vụ về nhà:**

- Học bài và làm bài tập 1, 2, 3/ sách giáo khoa/159

- Đọc thêm mục “em có biết”

- Chuẩn bị bài 37.

---------------------------------------------